

Số: 22/2026/NQ-HĐND

Lạng Sơn, ngày 09 tháng 7 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy định về chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao và mức chi tổ chức các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thể dục, thể thao số 77/2006/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 26/2018/QH14;

Căn cứ Nghị định số 349/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu;

Căn cứ Thông tư số 117/2025/TT- BTC ngày 16 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ tổ chức các giải thi đấu thể thao tại Việt Nam;

Xét Tờ trình số 183/TTr-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định về chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao và mức chi tổ chức các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định về chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao và mức chi tổ chức các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định về chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao và mức chi tổ chức các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 11/2021/NQ-HĐND ngày 17 tháng 7 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định về chế độ dinh dưỡng đặc thù đối với huấn luyện viên, vận động viên; chế độ chi tiêu tài chính; tiền thưởng đối với các giải thi đấu thể thao trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết, báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện theo quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Văn hóa – Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn khóa XVIII, Kỳ họp thứ tư thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2026./.

CHỦ TỊCH

Đoàn Thị Hậu

QUY ĐỊNH

Chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao và mức chi tổ chức các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 22/2026/NQ-HĐND ngày 09 tháng 7 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về chính sách tiền lương, chế độ dinh dưỡng, bảo hiểm đối với thành viên đội thể thao tham gia tập trung tập huấn, thi đấu; các mức chi cụ thể để tổ chức các giải thể thao và mức thưởng bằng tiền tại các giải thể thao trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thành viên đội thể thao gồm:

a) Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ tỉnh, đội tuyển năng khiếu tỉnh (gọi chung là đội thể thao cấp tỉnh) tham gia tập trung tập huấn, thi đấu.

b) Huấn luyện viên, vận động viên đội tuyển, đội tuyển trẻ, đội tuyển năng khiếu các xã, phường (gọi chung là đội thể thao cấp xã) tham gia tập trung tập huấn, thi đấu.

2. Thành viên tổ chức giải thể thao cấp tỉnh, cấp xã gồm:

a) Thành viên Ban Chỉ đạo, Ban Tổ chức và các tiểu ban Đại hội thể dục thể thao, Hội khỏe Phù Đổng; thành viên Ban Tổ chức và các tiểu ban chuyên môn từng giải thể thao; Trọng tài, giám sát điều hành, trợ lý các giải; thư ký trọng tài, điều phối viên môn bóng đá.

b) Công an, y tế, phiên dịch, bảo vệ, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác có liên quan thực hiện nhiệm vụ tại các điểm tổ chức thi đấu các giải thể thao.

c) Đối tượng tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ phục vụ lễ khai mạc Đại hội Thể dục thể thao, Hội khỏe Phù Đổng (gồm người tập và giáo viên quản lý, hướng dẫn).

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Thành viên đội thể thao là công dân Việt Nam bao gồm huấn luyện viên, vận động viên đang hưởng lương từ ngân sách nhà nước hoặc không

hưởng lương từ ngân sách nhà nước được triệu tập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền để tham gia tập trung tập huấn và thi đấu.

2. Đội thể thao cấp tỉnh là huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền để tham gia tập trung tập huấn, thi đấu, gồm: Đội tuyển tỉnh; Đội tuyển trẻ tỉnh; Đội tuyển năng khiếu tỉnh.

3. Đội thể thao cấp xã là huấn luyện viên, vận động viên được triệu tập theo quyết định của các xã, phường để tham gia tập trung tập huấn, thi đấu tại giải thể thao cấp tỉnh được quy định tại khoản 4 Điều này.

4. Giải thể thao cấp tỉnh gồm Đại hội Thể dục thể thao, Hội khỏe Phù Đổng (định kỳ 04 năm/lần); Giải từng môn thể thao, Hội thi thể thao, Giải thể thao dành cho người khuyết tật.

5. Giải thể thao cấp xã gồm Đại hội thể dục thể thao, Hội khỏe Phù Đổng, các giải thể thao, hội thi thể thao của các xã, phường tổ chức.

6. Chế độ dinh dưỡng: Là mức ăn hằng ngày được tính bằng tiền cho huấn luyện viên và vận động viên thể thao.

7. Tập trung tập huấn, thi đấu là quá trình huấn luyện, tập luyện, thi đấu có hệ thống để nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ thuật, thể lực, chiến thuật và tâm lý trước khi thi đấu cho vận động viên.

Chương II

CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN ĐỘI THỂ THAO VÀ MỨC CHI TỔ CHỨC CÁC GIẢI THỂ THAO TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LẠNG SƠN

Điều 4. Quy định về chế độ, chính sách đối với thành viên đội thể thao

1. Chính sách tiền lương đối với thành viên đội thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu.

a) Tiền lương đối với huấn luyện viên, vận động viên đội thể thao cấp tỉnh hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hưởng tiền lương theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 4 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.

b) Tiền lương đối với huấn luyện viên, vận động viên đội thể thao cấp tỉnh không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hưởng tiền lương theo quy định tại điểm đ, e, g khoản 2, điểm c khoản 3 và khoản 4 Điều 4 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.

2. Chế độ dinh dưỡng đối với thành viên đội thể thao trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu như sau:

a) Thành viên đội thể thao cấp tỉnh trong thời gian tập trung tập huấn theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng chế độ dinh dưỡng theo quy định tại điểm c, d, đ khoản 1 Điều 5 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.

b) Thành viên đội thể thao cấp tỉnh trong thời gian tập trung thi đấu tại các giải thể thao thành tích cao quy định tại các khoản 2, 4, 5, 6, 7 Điều 37 Luật Thể dục thể thao năm 2006 (sửa đổi, bổ sung năm 2018) được hưởng chế độ dinh dưỡng theo quy định tại điểm b, c, d khoản 3 Điều 5 Nghị định số 349/2025/NĐ-CP.

c) Thành viên các đội thể thao cấp xã trong thời gian tập trung tập huấn, thi đấu theo quyết định có thẩm quyền được hưởng chế độ dinh dưỡng bằng 80% mức chi của thành viên đội thể thao cấp tỉnh tương ứng.

3. Chế độ bảo hiểm: Huấn luyện viên, vận động viên trong thời gian được triệu tập, tập trung tập huấn và tham gia thi đấu được bảo đảm tham gia các loại bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quy định mức chi thực hiện nhiệm vụ tại các giải thể thao

1. Chi tiền ăn trong quá trình tổ chức giải

a) Tiền ăn cho các đối tượng tại điểm a, khoản 2, Điều 2 của Quy định này (bao gồm cả thời gian tối đa 01 ngày trước ngày thi đấu để làm công tác chuẩn bị giải, tập huấn trọng tài và 01 ngày sau thi đấu) thực hiện theo chế độ quy định tại Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

b) Đối với các đối tượng thuộc diện hưởng lương từ ngân sách nhà nước đã được đảm bảo chế độ chi tiền ăn trong thời gian tham dự giải thể thao sẽ không được thanh toán tiền phụ cấp lưu trú trong thời gian tham dự giải thể thao theo quy định tại chế độ công tác phí hiện hành.

2. Chi thực hiện nhiệm vụ tại các giải thể thao

a) Nguyên tắc chi

Được tính theo ngày làm việc thực tế hoặc theo buổi thi đấu, trận đấu thực tế Số ngày làm nhiệm vụ, buổi thi đấu, trận thi đấu thực tế thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Trường hợp một người thuộc nhiều đối tượng được hưởng chế độ thực hiện nhiệm vụ khác nhau thì chỉ được hưởng một mức cao nhất và không được thanh toán tiền lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ trong thời gian làm nhiệm vụ.

b) Mức chi thực hiện nhiệm vụ đối với giải thể thao cấp tỉnh và cấp xã

Đơn vị tính: đồng/người

STT	Đối tượng hưởng	Mức chi	
		Cấp tỉnh	Cấp xã
1	Thành viên Ban chỉ đạo, Ban tổ chức; Trưởng, Phó các tiểu ban chuyên môn	190.000/ngày	150.000/ngày

STT	Đối tượng hưởng	Mức chi	
		Cấp tỉnh	Cấp xã
2	Thành viên các tiểu ban chuyên môn	160.000/ngày	130.000/ngày
3	Giám sát, trọng tài chính (trừ Bóng đá)	190.000/buổi	150.000/buổi
4	Thư ký, trọng tài khác (trừ Bóng đá)	140.000/buổi	110.000/buổi
5	Công an, y tế, phiên dịch, bảo vệ, nhân viên phục vụ và các lực lượng khác liên quan thực hiện nhiệm vụ tại các điểm tổ chức thi đấu	80.000/buổi	60.000/buổi
6	Trọng tài chính, trợ lý trọng tài, giám sát, điều phối viên giải bóng đá		
a	Bóng đá 11 người		
-	Trọng tài chính	320.000/buổi	250.000/buổi
-	Trợ lý trọng tài, giám sát	220.000/buổi	170.000/buổi
-	Điều phối viên	160.000/buổi	130.000/buổi
b	Giải bóng đá 5 người, bóng đá 7 người		
-	Trọng tài chính	220.000/buổi	170.000/buổi
-	Trợ lý trọng tài, giám sát	160.000/buổi	130.000/buổi
-	Điều phối viên	120.000/buổi	100.000/buổi
7	Người tham gia đồng diễn, diễu hành, xếp hình, xếp chữ (Đại hội thể dục thể thao, Hội thi thể thao, Ngày hội, Hội khỏe Phù Đổng cấp tỉnh, cấp xã)		
-	Tập luyện	60.000/buổi	50.000/buổi
-	Tổng duyệt (tối đa 2 buổi)	90.000/buổi	70.000/buổi
-	Chính thức	160.000/buổi	130.000/buổi
-	Giáo viên quản lý, hướng dẫn	140.000/buổi	100.000/buổi

Điều 6. Mức thưởng bằng tiền tại các giải thể thao

1. Mức thưởng bằng tiền tại các giải thể thao cấp tỉnh

Đơn vị tính: đồng/huy chương (giải)

STT	Nội dung	Mức chi	
		Đại hội Thể dục thể thao (định kỳ 04 năm/lần)	Giải từng môn thể thao, Hội thi thể thao, Giải thể thao dành cho người khuyết tật
1	Giải cá nhân		
	Huy chương vàng (giải nhất)	1.500.000	1.200.000
	Huy chương bạc (giải nhì)	1.200.000	900.000
	Huy chương đồng (giải ba)	900.000	600.000
2	Giải đôi		
	Huy chương vàng (giải nhất)	2.000.000	1.700.000
	Huy chương bạc (giải nhì)	1.700.000	1.300.000
	Huy chương đồng (giải ba)	1.300.000	900.000
3	Giải đồng đội (các môn mà thành tích thi đấu của từng cá nhân và đồng đội được xác định trong cùng một lần thi) mức thưởng bằng số lượng người được thưởng nhân với 50% mức thưởng của giải cá nhân tương ứng		
	Huy chương vàng (giải nhất)	Số người x 1.000.000	Số người x 850.000
	Huy chương bạc (giải nhì)	Số người x 850.000	Số người x 650.000
	Huy chương đồng (giải ba)	Số người x 650.000	Số người x 450.000
4	Giải thể thao mang tính tập thể		
4.1	Môn bóng đá 11 người		
	Huy chương vàng (giải nhất)	15.000.000	10.000.000
	Huy chương bạc (giải nhì)	10.000.000	8.000.000
	Huy chương đồng (giải ba)	7.000.000	6.000.000
4.2	Môn bóng đá 7 người		
	Huy chương vàng (giải nhất)	10.000.000	8.000.000
	Huy chương bạc (giải nhì)	8.000.000	6.000.000
	Huy chương đồng (giải ba)	6.000.000	4.000.000

STT	Nội dung	Mức chi	
		Đại hội Thể dục thể thao (định kỳ 04 năm/lần)	Giải từng môn thể thao, Hội thi thể thao, Giải thể thao dành cho người khuyết tật
4.3	Môn bóng đá 5 người		
	<i>Huy chương vàng (giải nhất)</i>	<i>8.000.000</i>	<i>7.000.000</i>
	<i>Huy chương bạc (giải nhì)</i>	<i>6.000.000</i>	<i>5.000.000</i>
	<i>Huy chương đồng (giải ba)</i>	<i>4.000.000</i>	<i>3.000.000</i>
4.4	Môn bóng chuyền, bóng rổ		
	<i>Huy chương vàng (giải nhất)</i>	<i>10.000.000</i>	<i>8.000.000</i>
	<i>Huy chương bạc (giải nhì)</i>	<i>8.000.000</i>	<i>6.000.000</i>
	<i>Huy chương đồng (giải ba)</i>	<i>6.000.000</i>	<i>4.000.000</i>
4.5	Môn bóng chuyền hơi		
	<i>Huy chương vàng (giải nhất)</i>	<i>7.000.000</i>	<i>5.000.000</i>
	<i>Huy chương bạc (giải nhì)</i>	<i>5.000.000</i>	<i>3.000.000</i>
	<i>Huy chương đồng (giải ba)</i>	<i>3.000.000</i>	<i>2.000.000</i>
4.6	Môn kéo co		
	<i>Huy chương vàng (giải nhất)</i>	<i>7.000.000</i>	<i>5.000.000</i>
	<i>Huy chương bạc (giải nhì)</i>	<i>5.000.000</i>	<i>3.000.000</i>
	<i>Huy chương đồng (giải ba)</i>	<i>3.000.000</i>	<i>2.000.000</i>
5	Giải toàn đoàn		
	<i>Giải nhất</i>	<i>25.000.000</i>	<i>20.000.000</i>
	<i>Giải nhì</i>	<i>20.000.000</i>	<i>15.000.000</i>
	<i>Giải ba</i>	<i>15.000.000</i>	<i>12.000.000</i>

2. Mức thưởng bằng tiền đối với giải thể thao cấp xã: căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định mức thưởng phù hợp cho từng giải thể thao, nhưng không quá 80% mức thưởng đối với giải thể thao cấp tỉnh.

3. Mức thưởng bằng tiền đối với Hội khỏe Phù Đồng (định kỳ 04 năm/lần) bằng 80% mức thưởng của Đại hội Thể dục thể thao cùng cấp.

4. Mức thưởng bằng tiền đối với các giải thể thao dành cho lứa tuổi trẻ, bằng 80% mức thưởng của giải thể thao cấp tỉnh.

Điều 7. Kinh phí thực hiện

1. Nhiệm vụ thuộc cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo kinh phí theo phân cấp quản lý nhà nước hiện hành.

2. Nguồn thu khác, nguồn tài trợ theo quy định của pháp luật (nếu có).

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung quy định

Trường hợp các văn bản dẫn chiếu áp dụng tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc bị thay thế thì áp dụng theo các văn bản pháp luật mới./.
